

MỤC LỤC

KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ

- 1. Nguyễn Thị Phương Liên và Nguyễn Tuấn Anh** - Hoàn thiện chính sách đối với hoạt động chuyển giá của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. **Mã số: 136.IIEM.12** 2
Perfecting Policies on Transfer Pricing at Foreign Invested Enterprises in Vietnam
- 2. Nguyễn Thị Phương và Nguyễn Thị Tuyết** - Ảnh hưởng của việc mua bảo hiểm y tế và ô nhiễm không khí lên chi tiêu y tế ở Việt Nam. **Mã số: 136.IGEMg.11** 11
The Influence of Health Insurance Taking and Air Pollution on Health Spending in Vietnam
- 3. Phạm Tuấn Anh, Nguyễn Thị Ngọc Lan và Nguyễn Thị Mỹ Hạnh** - Hành vi tiêu dùng bền vững trong lĩnh vực ăn uống của giới trẻ: nghiên cứu so sánh các nhóm sinh viên trên địa bàn Hà Nội. **Mã số: 136.ITrEM.11** 20
The Sustainable Consumption Behaviour of Youngsters in Eating and Drinking: a Comparison of Groups of Students in Hanoi City

QUẢN TRỊ KINH DOANH

- 4. Trần Đức Thắng** - Các yếu tố ảnh hưởng tới cơ cấu vốn của các doanh nghiệp ngành sản xuất thực phẩm niêm yết trên sàn chứng khoán Việt Nam. **Mã số: 136.2BAcc.21** 30
Factors Affecting the Capital Structure of Food Producing Enterprises Listed on Vietnam Stock Exchange
- 5. Lưu Thị Minh Ngọc và Nguyễn Thị Hương Giang** - Chất lượng dịch vụ khách hàng tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam trên địa bàn Hà Nội. **Mã số: 136.2BMkt.21** 39
The Quality of Customer Service at Techcombank in Hanoi City
- 6. Marcellin Yovogan** - Predicting Business Failure: An Application of Altman's Z-Score Models to Publicity Traded Bulgarian Companies 52
 Dự đoán rủi ro kinh doanh: ứng dụng mô hình Z-score của Altman với các công ty được niêm yết của Bulgaria. **Mã số: 136.2BMkt.21**

Ý KIẾN TRAO ĐỔI

- 7. Đào Thị Thu Giang, Nguyễn Thuý Anh và Cao Đình Kiên** - Hỗ trợ tài chính để phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa: kinh nghiệm từ Hàn Quốc. **Mã số: 136.3BAdm.32** 63
Financial Support for SME Development: Experience from South Korea

HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CHUYỂN GIÁ CỦA DOANH NGHIỆP CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

Nguyễn Thị Phương Liên

Đại học Thương mại

Email: ntplien@tmu.edu.vn

Nguyễn Tuấn Anh

Đại học Thương mại

Email: anhnguyenhp2903@gmail.com

Ngày nhận: 01/11/2019

Ngày nhận lại: 21/11/2019

Ngày duyệt đăng: 26/11/2019

Quản lý nhà nước đối với hoạt động chuyển giá của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) đã được nhiều nhà nghiên cứu, nhà quản lý,... bình luận, phân tích, đánh giá. Tại Việt Nam, mặc dù các văn bản pháp lý (Thông tư 66/2010/TT-BTC, Nghị định 20/2017/NĐ-CP, Thông tư 41/2017/TT-BTC) đã được ban hành, tạo cơ sở pháp lý cho các cơ quan quản lý nhà nước thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động chuyển giá, nhưng kết quả đạt được còn khiêm tốn. Làm thế nào để ngăn chặn, đẩy lùi hành vi chuyển giá? Đây là câu hỏi không dễ dàng có lời giải đáp thỏa đáng ngay cả những nước có lịch sử phát triển kinh tế quốc tế lâu đời do các hành vi chuyển giá của doanh nghiệp FDI ngày càng tinh vi, phức tạp nên rất khó phát hiện.

Trên cơ sở nghiên cứu các văn bản pháp luật hiện hành liên quan đến quản lý nhà nước về chuyển giá của doanh nghiệp FDI tại Việt Nam từ các nguồn thông tin thứ cấp và tổng hợp kết quả khảo sát từ các cán bộ làm công tác thanh tra, kiểm tra tại Cục thuế TP Hà Nội, một số chi cục thuế quận, huyện, thị xã và các doanh nghiệp FDI (là công ty con của công ty đa quốc gia) trên địa bàn TP Hà Nội, nhóm tác giả bài viết đã phân tích một số thay đổi trong chính sách, tìm ra những bất cập, vướng mắc - những vấn đề đặt ra trong quá trình triển khai thực thi pháp luật, từ đó đề xuất một vài định hướng nội dung và giải pháp hoàn thiện chính sách nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực này thời gian tới.

Từ khóa: chuyển giá, chính sách nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

1. Mở đầu

Chuyển giá là việc thực hiện chính sách giá đối với sản phẩm (tài sản hữu hình, tài sản vô hình, dịch vụ, lãi tiền vay) được chuyển dịch giữa các bên có quan hệ liên kết không theo giá giao dịch thông thường trên thị trường, nhằm tối thiểu hóa tổng số thuế phải nộp của tất cả các bên liên kết trên toàn cầu (OECD, 2015). Khác với trường hợp khai giá giao dịch thấp đối với cơ quan quản lý để trốn thuế (các bên giao dịch vẫn thực hiện thanh toán đầy đủ theo giá thỏa thuận); trong giao dịch chuyển giá, giá cả trong giao dịch chính là giá thỏa thuận nên các bên

sẽ không phải thực hiện việc thanh toán khoản chênh lệch giữa giá giao dịch nội bộ và giá thị trường.

Theo Cục Tài chính Doanh nghiệp, tính đến ngày 31/03/2019, ở Việt Nam có 17.493 doanh nghiệp có FDI, trong đó có khoảng 12.600 doanh nghiệp đã nộp báo cáo tài chính với đầy đủ dữ liệu để có thể thực hiện phân tích. Nguồn thu ngân sách nhà nước (NSNN) từ khu vực FDI không ngừng tăng lên qua các năm (xem bảng 1).

Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được, số liệu phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp (DN) FDI từ năm 2012 đến năm 2018 cho thấy số lượng doanh

Bảng 1: Tình hình nộp NSNN của DN FDI giai đoạn 2012-2018

Chi tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
Nộp NSNN về các sắc thu nội địa không bao gồm dầu thô (tỷ đồng)	83.199	111.200	123.605	140.979	161.608	165.709	171.802

Nguồn: Cục Tài chính Doanh nghiệp - Bộ Tài chính

ngành FDI báo lỗ hàng năm là từ 44% đến 51% (đặc biệt năm 2015 là 51% và năm 2016 là 50% trên số lượng doanh nghiệp có báo cáo). Tốc độ tăng của quy mô đầu tư và hoạt động của các doanh nghiệp báo lỗ và doanh nghiệp lỗ lũy kế cao hơn tốc độ tăng về số lượng doanh nghiệp báo lỗ và doanh nghiệp lỗ lũy kế cho thấy tình trạng chuyển giá của khu vực FDI ngày càng gia tăng, phức tạp. Thực tế trên đặt ra yêu cầu cần thiết phải không ngừng hoàn thiện chính sách và tăng cường quản lý nhà nước đối với hoạt động chuyển giá của DN FDI nhằm thực hiện mục tiêu thu hút vốn đầu tư nước ngoài để phát triển kinh tế xã hội, nhưng cũng đảm bảo sự bình đẳng trong kinh doanh giữa các doanh nghiệp trong nước với DN FDI, ngăn ngừa và giảm thiểu hoạt động chuyển giá của các doanh nghiệp này.

Những năm gần đây, đã có một số nghiên cứu của các tác giả trong và ngoài nước có liên quan đến chủ đề bài báo, như: “Pháp luật về kiểm soát hoạt động chuyển giá trên địa bàn TP Hà Nội” (2010), Phan Thị Thành Dương, Luận án tiến sĩ Đại học Luật TP Hồ Chí Minh; “Kiểm soát chuyển giá ở Việt Nam: Tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý và các điều kiện thực hiện” (2011), Lê Xuân Trường, Tạp chí Tài chính số 7; “Transfer Pricing Handbook: Guidance for the OECD Regulations” (2012), Feinschreiber, Robert và Kent, Margaret, NXB Wiley; “Transfer Pricing in Germany: Translation of important law and regulations” (2012), Kratzer, Carsten & Blesgen, Martin NXB Verlag Dr. Otto Schmidt; “Asia-Pacific Transfer Pricing Handbook” (2012), Feinschreiber, Robert và Kent, Margaret, NXB Wiley; “Chuyển giá và chống chuyển giá trong quản lý thuế

đối với các DN FDI ở Việt Nam” (2017), Lê Quang Hùng, Luận án tiến sĩ Học viện Khoa học Xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam... Các nghiên cứu trên đã phân tích cơ sở lý luận, đánh giá thực tiễn hoạt động chuyển giá và thực trạng pháp luật về quản lý, kiểm soát hoạt động chuyển giá, chỉ ra một số bất cập, khuyết thiếu trong pháp luật kiểm soát chuyển giá ở Việt Nam, từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện thể chế pháp luật về chống chuyển giá. Tuy nhiên, khi Nghị định số 20/2017/NĐ-CP, Thông tư 41/2017/TT-BTC được ban hành, một số kết luận của các nghiên cứu đã công bố không còn hoàn toàn phù hợp, nên rất cần có các nghiên cứu phân tích, đánh giá thực trạng chính sách để tiếp tục hoàn thiện trong giai đoạn tới.

Trong quá trình thực hiện bài nghiên cứu này, ngoài việc tiếp cận các văn bản pháp luật liên quan đến quản lý nhà nước về chuyển giá của doanh nghiệp FDI tại Việt Nam (từ các nguồn thông tin thứ cấp), để có thêm luận cứ thực tiễn cho các kết luận nghiên cứu, nhóm tác giả bài viết đã khảo sát cán bộ làm công tác thanh tra, kiểm tra tại 10 phòng thanh tra, kiểm tra của Cục thuế TP Hà Nội, cán bộ kiểm tra tại 24 Chi cục thuế quận, huyện, thị xã và 3 Chi cục thuế khu vực; khảo sát các doanh nghiệp FDI (là các công ty con của các Công ty đa quốc gia) trên địa bàn TP Hà Nội thuộc phạm vi quản lý của Cục thuế TP Hà Nội (tổng số phiếu phát ra, thu về được thống kê tại bảng 2).

Bảng 2: Quy mô mẫu khảo sát

TT	Đối tượng khảo sát	Số phiếu phát ra	Số phiếu thu về	Tỷ lệ
1	DN FDI	225	200	89%
2	Cơ quan thuế	205	190	93%
	Tổng cộng	430	390	91%

2. Vài nét khái quát về chính sách quản lý hoạt động chuyển giá của doanh nghiệp FDI tại Việt Nam

Quy định về định giá chuyển giao của Việt Nam được đề cập lần đầu tiên tại Thông tư số 74-TC/TCT-1997 ngày 20/10/1997 của Bộ Tài chính, với 3 phương pháp định giá chuyển giao giữa các công ty liên kết. Tiếp đó, Thông tư số 89/1999/TT-BTC ban hành ngày 16/7/1999 và Thông tư số 13/2001/TT-BTC ngày 08/03/2001 của Bộ Tài chính đã sửa đổi, bổ sung các nội dung của Thông tư số 74-TC/TCT-1997. Ở giai đoạn đầu thiết lập thể chế, các quy định về định giá chuyển giao nhìn chung chỉ ở mức độ sơ sài, thiếu hướng dẫn chi tiết, chưa sát với thực tế. Do vậy, mặc dù Thông tư số 89/1999/TT-BTC và Thông tư số 13/2001/TT-BTC được ban hành từ khá lâu nhưng trên thực tế vẫn chưa được triển khai áp dụng.

Giai đoạn 2005-2010, trên cơ sở phân tích những hạn chế của các văn bản hiện hành và tham khảo kinh nghiệm các nước, ngày 19/12/2005 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 117/2005/TT-BTC hướng dẫn thực hiện việc xác định giá thị trường trong giao dịch kinh doanh giữa các bên có quan hệ liên kết với nội dung khá phù hợp với Hướng dẫn của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD). Tuy nhiên, do phạm vi điều chỉnh hẹp, lại chưa quy định rõ cơ sở sự nghi ngờ của cơ quan thuế về tính trung thực trong kê khai các giao dịch của đối tượng nộp thuế, nên hiệu quả áp dụng còn hạn chế.

Thông tư số 66/2010/TT-BTC (áp dụng từ năm 2010-4/2017) ra đời kế thừa Thông tư 117/2005/TT-BTC và có một số điều chỉnh chính xác hơn về thuật ngữ, được xem là văn bản pháp lý điều chỉnh một cách chi tiết về xác định giá thị trường trong giao dịch liên kết tính tới thời điểm này.

Gần đây nhất, Nghị định số 20/2017/NĐ-CP (áp dụng từ ngày 01/5/2017) “Quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết” và Thông tư số 41/2017/TT-BTC hướng dẫn thi hành Nghị định 20 có hiệu lực thay thế cho Thông tư số 66 được nhiều chuyên gia đánh giá là có những bước tiến lớn trong việc xây dựng khung pháp lý kiểm soát chuyển giá.

Nghị định 20 và Thông tư 41 được đánh giá là dấu mốc phát triển quan trọng nhất trong hệ thống quy định pháp luật về giá giao dịch liên kết tại Việt Nam trong suốt 10 năm qua, thể hiện nhiều nỗ lực

của cơ quan quản lý nhà nước trong đấu tranh kiểm soát chuyển giá; đồng thời thể hiện cam kết của Việt Nam trong việc xây dựng chính sách thuế mang tính nhất quán đối với khung chính sách thuế toàn cầu về tính minh bạch và nỗ lực chống né thuế. Nghị định 20 cũng đã đảm bảo yêu cầu của thực tiễn, đó là đã dựa trên nguyên tắc “bản chất quyết định hình thức” trong việc xây dựng các quy định. Các điều chỉnh lớn của 2 văn bản pháp quy mới này là:

- Mở rộng phạm vi diễn giải đối với một số quy định hiện hành, đồng thời đưa ra một số khái niệm chi tiết hơn về các bên có quan hệ liên kết. Ngưỡng vốn góp của chủ sở hữu được điều chỉnh tăng từ 20% lên 25% trong định nghĩa về các bên có quan hệ liên kết... theo Hướng dẫn của OECD, Chương trình hành động Chống xói mòn cơ sở tính thuế và chuyển lợi nhuận (xem bảng 3).

- Ban hành các quy định cụ thể hơn về việc kê khai, xác định giá giao dịch liên kết (GDLK) tại Việt Nam, gồm chuẩn bị Hồ sơ kê khai xác định giá GDLK theo ba cấp, các mẫu tờ khai GDLK mới, hướng dẫn về khấu trừ chi phí phát sinh từ GDLK và chi phí lãi vay.

Nghị định 20 và Thông tư 41 đã áp dụng hướng tiếp cận như được khuyến nghị trong Chương trình hành động số 13 (BEPS) (Hướng dẫn chuẩn bị báo cáo về chính sách giá và báo cáo lợi nhuận liên quốc gia). Cụ thể, người nộp thuế (NNT) phải chuẩn bị và lưu trữ Hồ sơ thông tin tập đoàn toàn cầu (Master file), Hồ sơ quốc gia (Local file) và Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia (Country by Country report). NNT phải cung cấp Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia trong trường hợp công ty mẹ tối hậu có nghĩa vụ phải chuẩn bị và nộp báo cáo này cho cơ quan thuế (CQT) nước sở tại, hoặc trong trường hợp NNT là Công ty mẹ tối hậu tại Việt Nam có doanh thu hợp nhất toàn cầu trong kỳ tính thuế từ 18 nghìn tỷ đồng trở lên. Nếu NNT không cung cấp được Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia, NNT phải có văn bản giải thích lý do, căn cứ pháp lý và trích dẫn quy định pháp luật cụ thể của nước đối tác về việc không cho phép NNT cung cấp Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia. Ngoài ra, theo mẫu tờ khai các GDLK, NNT có nghĩa vụ phải kê khai thông tin chi tiết về báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo nhóm GDLK và giao dịch độc lập. Bất kỳ chênh lệch đáng kể nào giữa mức lợi nhuận thu được từ các GDLK và giao dịch độc lập đều có thể làm gia tăng rủi ro cho NNT

Bảng 3: Một số thay đổi của Nghị định 20 về quan hệ liên kết

Thông tư 66/2010/TT – BTC	Nghị định 20/2017/NĐ –CP
<i>Quan hệ liên kết trực tiếp - sở hữu</i>	
Hai bên được coi là có mối quan hệ liên kết nếu tỷ lệ vốn đầu tư của chủ sở hữu ít nhất là 20%. Cụ thể: a) Một DN nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp ít nhất 20% vốn đầu tư của chủ sở hữu DN kia; b) Cả hai DN đều có ít nhất 20% vốn đầu tư của chủ sở hữu do một bên thứ ba nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp; c) Cả hai DN đều nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp ít nhất 20% vốn đầu tư của chủ sở hữu của một bên thứ ba.	Tỷ lệ góp vốn của chủ sở hữu được tăng lên 25%. Cụ thể: a) Một DN nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp ít nhất 25% vốn góp của chủ sở hữu của DN kia; hoặc b) Cả hai DN đều nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp ít nhất 25% vốn của chủ sở hữu của một bên thứ ba; Điều kiện (c) bị xóa bỏ.
<i>Quan hệ liên kết gián tiếp - vay vốn</i>	
Hai bên được coi là có mối quan hệ liên kết nếu mức tỷ lệ phần trăm của khoản bảo lãnh hoặc tài trợ vốn bằng ít nhất 20% vốn góp của chủ sở hữu. Cụ thể: e) Một DN bảo lãnh hoặc cho một DN khác vay vốn dưới bất kỳ hình thức nào với điều kiện khoản vốn vay ít nhất bằng 20% vốn đầu tư của chủ sở hữu DN đi vay và chiếm trên 50% giá trị các khoản nợ trung và dài hạn của DN đi vay	Tỷ lệ của khoản bảo lãnh hoặc tài trợ vốn được tăng lên bằng ít nhất 25% vốn góp của chủ sở hữu. Cụ thể: d) Một DN bảo lãnh hoặc cho một DN khác vay với bất kỳ hình thức nào (bao gồm cả các khoản vay từ bên thứ ba được đảm bảo từ nguồn tài chính của bên liên kết và các giao dịch tài chính có bản chất tương tự) với điều kiện khoản vốn vay ít nhất bằng 25% vốn góp của chủ sở hữu của DN đi vay và chiếm trên 50% tổng giá trị các khoản nợ trung và dài hạn của DN đi vay
<i>Quan hệ liên kết gián tiếp - quan hệ kinh doanh</i>	
Bên độc lập có giao dịch với công ty được coi là liên kết nếu chiếm tỷ trọng từ 50% doanh thu hoặc chi phí được bán/mua từ bên độc lập đó	Bỏ định nghĩa này; đồng thời cũng bỏ luôn quy định “hai DN có thỏa thuận hợp tác kinh doanh trên cơ sở hợp đồng được coi là bên liên kết”
<i>Các trường hợp mới được bổ sung vào Nghị định 20</i>	
	Hai bên được coi là liên kết trong các trường hợp sau: i) Một hoặc nhiều DN chịu sự kiểm soát của một cá nhân thông qua vốn góp của cá nhân này vào DN đó hoặc trực tiếp tham gia điều hành DN đó; hoặc k) Các trường hợp khác trong đó DN chịu sự điều hành, kiểm soát quyết định trên thực tế đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của DN kia;

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ nội dung Thông tư 66 và Nghị định 20

và đặt ra nhiều nghi vấn từ phía cơ quan thu thuế. Cũng theo Nghị định và Thông tư mới, một số DN nhỏ sẽ được miễn nghĩa vụ soạn lập Hồ sơ xác định giá GDLK trong một số điều kiện cụ thể.

Tổng chi phí lãi vay được khấu trừ cho mục đích tính thuế không vượt quá 20% chỉ số EBITDA (lợi nhuận trước thuế chưa trừ chi phí lãi vay và chi phí khấu hao). Mặc dù được quy định trong Nghị định về giá GDLK, điều khoản này được áp dụng đối với cả khoản vay từ bên liên kết và bên độc lập, không có điều khoản quy định về chuyển tiếp và hồi tố. Đối với các dịch vụ nội bộ, các tiêu chí xác định chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế đã được làm rõ. Cụ thể, NNT phải chứng minh dịch vụ nội bộ được nhận, thực sự mang lại lợi ích kinh tế cho NNT, đồng thời phải đưa ra bằng chứng (chứng từ kế toán, hợp đồng dịch vụ, v.v.) để chứng minh tính hợp lý của phương pháp xác định phí dịch vụ. Các chi phí sẽ không được khấu trừ cho mục đích tính thuế nếu NNT không chứng minh được lợi ích trực tiếp và giá trị của dịch vụ đó đem lại đối với hoạt động kinh doanh của mình, ví dụ như các dịch vụ trùng lặp, chi phí phục vụ lợi ích cổ đông... Thêm vào đó, phần lãi do bên liên kết tính thêm trên chi phí trả cho bên thứ ba không được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong trường hợp bên liên kết không đóng góp thêm giá trị cho dịch vụ đó.

- Các quy định về phân tích so sánh và điều chỉnh giá giao dịch liên kết: Nghị định 20 cũng cung cấp thêm hướng dẫn về phân tích so sánh và xác định giá giao dịch liên kết so với Thông tư 66. Các quy định mới hướng dẫn chi tiết về phân tích so sánh, bao gồm cơ sở dữ liệu được sử dụng, lựa chọn phương pháp xác định giá GDLK, số lượng đối tượng so sánh độc lập tối thiểu và các yếu tố điều chỉnh khác (ví dụ như lợi thế chi phí theo yếu tố địa lý). Dữ liệu tài chính của các đối tượng so sánh độc lập phải cùng năm tài chính với năm tài chính của NNT hoặc cùng thời điểm phát sinh giao dịch (xem bảng 2).

Thời gian thu thập dữ liệu của đối tượng so sánh độc lập có thể được mở rộng thêm không quá một năm, trong trường hợp cơ sở dữ liệu được sử dụng chưa được cập nhật tại thời điểm thực hiện phân tích so sánh.

Nhìn chung, nội dung Nghị định 20 và Thông tư 41 thể hiện nhiều xu hướng thay đổi tích cực, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tự đánh giá và thực hiện tuân thủ đối với các quy định về giá

chuyển nhượng. Hầu hết các thay đổi nhằm hướng đến nỗ lực đưa các quy định về giá chuyển nhượng tiến gần hơn với các hướng dẫn của OECD và các chương trình hành động chống xói mòn cơ sở tính thuế và chuyển lợi nhuận (BEPS).

3. Những vấn đề đặt ra

Bên cạnh những điều chỉnh, đổi mới, bổ sung góp phần tạo cơ sở pháp lý cụ thể hơn cho hoạt động kiểm soát chuyển giá của các cơ quan quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp FDI tại Việt Nam, theo chúng tôi, các văn bản pháp luật hiện hành cũng còn tồn tại một số bất cập, vướng mắc sau cần tiếp tục nghiên cứu để hoàn thiện:

- Một là, căn cứ pháp lý về chống chuyển giá chưa thực sự đầy đủ và rõ ràng; chưa có văn bản hướng dẫn chi tiết nên quá trình thực hiện còn nhiều khó khăn, đặc biệt là cơ sở pháp lý để xác định giá thị trường. Quy định phương pháp xác định giá tại Thông tư 66 và Thông tư 41 rất phức tạp, nhiều doanh nghiệp (DN) lúng túng trong việc lựa chọn phương pháp, nếu có xác định được thì cũng tốn rất nhiều thời gian và công sức. Trong quá trình xử lý kết quả thanh tra còn gặp nhiều vướng mắc vì thiếu thông tin, cơ sở pháp lý, căn cứ để áp dụng ấn định thuế đã có nhưng chưa rõ ràng. Nghị định 20 còn một số điểm cần phải có hướng dẫn rõ hơn, như: quy định về nghĩa vụ kê khai thông tin báo cáo lợi nhuận liên quốc gia của công ty mẹ tại nước ngoài. CQT không có chức năng điều tra thuế nên không xử lý được các trường hợp vi phạm có tính phức tạp, phạm vi rộng ngoài lãnh thổ Việt Nam.

Đánh giá về nguyên nhân của chuyển giá tại các DN FDI ở Việt Nam, 35% DN FDI được khảo sát cho rằng do “pháp luật thuế về chuyển giá chưa chặt chẽ và phù hợp”; 38% cán bộ thanh tra, kiểm tra thuế được khảo sát cho rằng do “thuế suất thuế TNDN ở Việt Nam cao” và 29% cho rằng “do đây là lĩnh vực đặc thù khó kiểm soát”.

Nguồn: Tổng hợp kết quả khảo sát của nhóm tác giả bài viết

- Hai là, Nghị định 20 đặt ra các thách thức không hề nhỏ đối với các doanh nghiệp trong vấn đề tuân thủ, đặc biệt là với thời hạn lập hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết và nội dung các hồ sơ phải cung cấp. Quy định thời hạn lập hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết quá ngắn so với số lượng lớn thông tin yêu cầu tại hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết.

Bảng 4: Sự thay đổi của Nghị định 20 về phân tích so sánh và điều chỉnh giá giao dịch liên kết

Thông tư 66/2010/TT-BTC	Nghị định 20/2017/NĐ-CP
1. Công ty so sánh	
Để lựa chọn các công ty so sánh, NNT có thể chọn lựa các thông tin có nguồn hợp pháp và có thể được xác minh khi có yêu cầu của CQT để xác định tính thị trường của giao dịch liên kết. Do đó, không có giới hạn về mặt địa lý của các thông tin đối với công ty so sánh	Việc lựa chọn công ty so sánh cần được thực hiện theo thứ tự ưu tiên về dữ liệu được đưa ra (và có các điều chỉnh về khác biệt trọng yếu, nếu có) như sau: - Thông tin so sánh nội bộ của NNT; - Thông tin so sánh nằm trong cùng một nước và vùng lãnh thổ với NNT; - Thông tin so sánh nằm trong vùng có điều kiện ngành nghề và phát triển kinh tế tương tự
2. Giá trị điều chỉnh	
Không có hướng dẫn cụ thể về giá trị điều chỉnh trong phân tích so sánh	Trong quá trình phân tích so sánh, giá trị để điều chỉnh các giao dịch liên kết cho phù hợp với nguyên tắc thị trường là giá của giao dịch tương đương (trong trường hợp phương pháp so sánh giá giao dịch độc lập được áp dụng) hoặc giá trị giữa các khoảng giao dịch độc lập chuẩn được thiết lập bởi các công ty độc lập (trong trường hợp các phương pháp khác được áp dụng)
3. Ấn định thuế	
Trong trường hợp bị thanh tra thuế/chuyên giá và NNT bị ấn định số thuế phải nộp, Thông tư 66 quy định giá trị bị ấn định như sau: - Giá trị hợp lý nhất để thực hiện điều chỉnh cho giá bán/lợi nhuận là giá trị không thấp hơn giá trị trung vị của thuộc biên độ giá thị trường chuẩn được xác định bởi CQT; - Giá trị hợp lý nhất để thực hiện điều chỉnh cho giá mua là giá trị không cao hơn giá trị trung vị của thuộc biên độ giá thị trường chuẩn	Nghị định 20 có đề cập tới việc CQT ấn định số thuế phải nộp, tuy nhiên không nêu rõ giá trị được ấn định. Theo hướng dẫn tại Thông tư 41 về phân tích so sánh và giá trị điều chỉnh giá chuyên nhượng, giá trị trung vị có thể được sử dụng như giá trị nhỏ nhất để ấn định số thuế phải nộp trong trường hợp thanh tra thuế/chuyên giá

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ nội dung Thông tư 66 và Nghị định 20

Về mức độ đáp ứng yêu cầu cung cấp thông tin của DN FDI phục vụ cho công tác thanh tra, kiểm tra thuế, kết quả khảo sát từ CQT cho thấy có tới 36% ý kiến cho rằng “DN FDI cung cấp đầy đủ nhưng không kịp thời”. Điều này phản ánh thực tế là khi CQT yêu cầu cung cấp thông tin, DN FDI thường có độ trễ do phải chuẩn bị hồ sơ, tài liệu giải trình, mất nhiều thời gian.

Nguồn: Tổng hợp kết quả khảo sát của nhóm tác giả bài viết

Theo quy định hiện hành, doanh nghiệp phải lập hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết trước thời điểm

kê khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm, tức là 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trên thực tế, khoảng thời gian 90 ngày sau khi kết thúc năm tài chính trùng với thời điểm doanh nghiệp phải hoàn thành báo cáo kiểm toán theo luật định, quyết toán thuế với khối lượng công việc lớn. Bên cạnh đó, theo yêu cầu của CQT, dữ liệu so sánh từ các công ty độc lập được chọn phải cùng năm tài chính - thông thường sẽ được cập nhật lên cơ sở dữ liệu thương mại sau 90 ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính... Do vậy, quy định thời hạn lập hồ sơ trong vòng 90 ngày là khó có tính khả thi. Các quy định về cung cấp thông tin liên quan đến

hoạt động của doanh nghiệp và tập đoàn trong hồ sơ xác định giá chuyển giao cũng rất lớn, thay vì một bộ hồ sơ xác định giá GDLK hàng năm, theo Nghị định 20, doanh nghiệp có phát sinh giao dịch liên kết có thể phải cung cấp 3 loại Hồ sơ: Hồ sơ quốc gia (Local File); Hồ sơ thông tin tập đoàn toàn cầu (Master File) và Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia (CbCR). Các yêu cầu này được ban soạn thảo Nghị định thu thập và vận dụng từ các yêu cầu trong chương trình hành động của BEPS, tuy nhiên, các chuyên gia tư vấn cho rằng khả năng áp dụng không khả thi vì hệ thống luật pháp hiện tại của Việt Nam chưa phù hợp với các chương trình hành động của BEPS, chỉ phù hợp nếu áp dụng ở các nước phát triển, trình độ quản lý và quy định về thuế, kế toán rõ ràng, minh bạch. Những quy định mới đưa ra không những phải đảm bảo sự hiệu quả trong quản lý nguồn thu từ thuế, mà còn phải tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình tuân thủ, cải thiện môi trường kinh doanh cũng như đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; và phải mang tính khả thi cao.

- *Ba là*, thiếu một chế tài xử lý nghiêm minh, mang tính răn đe đối với các vi phạm về giá thị trường. Mức độ xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế đối với các trường hợp chuyển giá hiện hành còn quá nhẹ, quy định chung với các hành vi vi phạm khác về thuế (quy định tại Luật Quản lý thuế hiện hành, tại Nghị định 98/2007/NĐ-CP và Thông tư 61/2007/TT-BTC) mà chưa có hình thức xử phạt riêng, nghiêm khắc hơn nên chưa đủ sức răn đe đối với NNT có hành vi chuyển giá tránh thuế. Doanh nghiệp liên kết, thực hiện điều chỉnh giá, làm giảm lỗ của DN hiện không có chế tài xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế đối với DN; trường hợp DN liên kết, thực hiện điều chỉnh giá làm tăng số thuế thu nhập DN cũng chỉ xử phạt kê khai sai (10%) và phạt chậm nộp (0,05%/1 ngày chậm nộp). Các trường hợp chuyển giá dẫn tới số lỗ lũy kế bằng hoặc vượt số vốn chủ sở hữu cũng chưa có quy định bắt buộc NNT không được hoàn thuế giá trị gia tăng hoặc phải giải thể DN. Thực tế này đã làm giảm hiệu quả của công tác quản lý thuế nói chung và thanh tra giá chuyển nhượng (GCN) nói riêng.

Về xử phạt hành vi chuyển giá, kết quả khảo sát từ CQT cho thấy có 52% ý kiến cho rằng “quy định pháp luật hiện hành chưa đủ sức răn đe”, ý kiến của DN FDI là 33%.

Nguồn: Tổng hợp kết quả khảo sát của nhóm tác giả bài viết

4. Một số định hướng và giải pháp hoàn thiện chính sách

Trên cơ sở tham khảo Hướng dẫn của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế, Chương trình hành động Chống xói mòn cơ sở tính thuế và chuyên lợi nhuận, Kinh nghiệm quản lý, kiểm soát hoạt động chuyển giá của một số quốc gia, khung pháp lý đối với hoạt động chuyển giá ở Việt Nam, theo chúng tôi, cần: (i) Xác định được đầy đủ, chính xác các cách thức nhận biết hoạt động chuyển giá, các quan hệ liên kết và giao dịch giữa các bên có quan hệ liên kết; (ii) Lựa chọn được phương pháp định giá chuyển giao, thời hạn và hồ sơ xác định giá GDLK phù hợp; và (iii) Nâng cao thẩm quyền của cơ quan thuế và có chế tài xử lý các vi phạm pháp luật về chuyển giá nghiêm minh.

Để thực hiện được các định hướng nội dung chính sách cần hoàn thiện nêu trên, căn cứ vào thực tiễn những vấn đề đặt ra về thực trạng chính sách quản lý hoạt động chuyển giá của doanh nghiệp FDI tại Việt Nam, các cơ quan quản lý nhà nước cần tập trung giải quyết các vấn đề chính yếu sau đây:

Thứ nhất, ban hành Luật Kiểm soát giao dịch liên kết và giá chuyển nhượng. Về lâu dài nên ban hành Luật Quản lý nhà nước về chuyển giá; sửa đổi Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, các luật thuế, Luật Thương mại, Luật Cạnh tranh... theo hướng bổ sung quy định về hoạt động chuyển giá. Hiện nay, nhiều nước trên thế giới đã có luật về chống chuyển giá và có hội đồng quốc gia về quản lý chống chuyển giá để ngăn chặn các hành vi chuyển giá. Tại khu vực Đông Nam Á, một số nước (Malaysia, Thái Lan, Indonesia) đã xây dựng và thực hiện Luật Chống chuyển giá từ nhiều năm nay.

Thứ hai, bổ sung chế tài thu hồi giấy phép đầu tư/giấy chứng nhận đầu tư, chấm dứt hoạt động khi các doanh nghiệp FDI có số lỗ kéo dài nhiều năm hoặc lỗ quá vốn chủ sở hữu trong Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp. Thu hẹp các ưu đãi thuế, ấn định tỷ lệ nộp thuế đối với một số trường hợp sau một thời gian nhất định từ khi thành lập mà lỗ liên tục, lỗ hết vốn nhưng vẫn tiếp tục đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, nhiều nước trên thế giới hiện nay đều có quy định về vốn mỏng. Theo đó, lãi phải trả đối với phần vốn vay vượt quá tỷ lệ nhất định không được coi là chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Với Việt Nam, cũng nên bổ sung quy định các doanh nghiệp khi có phần chi trả lãi vay của khoản vay vượt quá mức quy định (ví dụ: gấp 5 lần vốn chủ sở hữu với DN sản xuất, gấp bốn lần vốn chủ sở hữu với các doanh nghiệp ở lĩnh vực khác) thì phần chi trả lãi vay này sẽ không được tính

vào chi phí hợp lý khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Riêng các lĩnh vực đặc thù như tín dụng, ngân hàng thì tỷ lệ tối đa cần cao hơn (ví dụ: không quá 12 lần vốn chủ sở hữu). Việc tính thuế phân lãi vay vượt giới hạn sẽ đảm bảo lành mạnh hóa tài chính của doanh nghiệp, của nền kinh tế, góp phần thúc đẩy việc tái cơ cấu kinh tế, chống chuyên giá trong khối đầu tư nước ngoài, nhất là hạn chế các công ty thông qua giao dịch có mối liên kết về sở hữu, quản trị... trốn thuế.

Thứ ba, sửa đổi các phương pháp xác định giá giao dịch thị trường theo hướng ít phương pháp, gọn, dễ hiểu, dễ thực hiện và có căn cứ để thực hiện. Nghị định 20 bản chất là gộp 5 phương pháp quy định tại Thông tư 66 vào làm 3 phương pháp, tuy nhiên tổng số phương pháp thành phần để xác định giá thị trường trong Nghị định 20 thì hầu như vẫn giữ nguyên. Cần rút gọn các phương pháp và đơn giản hóa để DN dễ vận dụng trong thực tế, phù hợp với nguồn cơ sở dữ liệu thương mại mà DN thu thập được, đồng thời cũng thuận tiện cho CQT trong thanh kiểm tra. Nghiên cứu sửa “ngưỡng” kê khai thông tin giao dịch liên kết để đơn giản hóa cho DN trong việc kê khai, giảm chi phí tuân thủ; nghiên cứu phương án đơn giản hóa mẫu biểu kê khai giao dịch liên kết trong Nghị định 20 để DN dễ dàng cung cấp những thông tin cần thiết nhất, đảm bảo tính khả thi trong quản lý đối tượng có quan hệ liên kết, giảm bớt sức ép về nguồn nhân lực cho CQT, đề tập trung vào những vấn đề trọng yếu. Xem xét điều chỉnh tăng thời gian lập và nộp hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết cho DN.

Luật hóa việc sử dụng các thông tin do CQT thu thập trong công tác quản lý thuế nói chung, quản lý nhà nước về chuyên giá nói riêng. Chính phủ có văn bản chỉ đạo quy định nhiệm vụ cụ thể cho các ngành có liên quan như: hải quan, công an, viện kiểm sát, ngân hàng... thực hiện tốt việc phối hợp theo thẩm quyền với ngành thuế nhằm trao đổi, cung cấp thông tin, nhằm kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động giao dịch liên kết và chuyên giá của các DN đầu tư nước ngoài. Cần nhắc ban hành cơ chế trích một phần nguồn truy thu thuế được phát hiện từ các hành vi chuyên giá để bổ sung nguồn kinh phí cho công tác chống chuyên giá. Nguồn tiền này dùng để mua cơ sở dữ liệu, trả phí thuê tư vấn, chuyên gia thuế, chuyên gia luật, chi phí điều tra, xác minh...

Thứ tư, nâng cao thẩm quyền của cơ quan thuế. Quản lý hoạt động chuyên giá là lĩnh vực khó và phức tạp, đòi hỏi phải có đội ngũ chuyên trách, chuyên sâu và chuyên nghiệp với chế độ đãi ngộ và

quyền năng thích hợp - quyền điều tra về thuế, tạo thuận lợi cho quá trình thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên giá. Kinh nghiệm của một số quốc gia về thẩm quyền điều tra của CQT cho thấy, một số quốc gia như Mỹ, Nhật, Indonesia, Serbia... giao nhiệm vụ điều tra, khởi tố tội phạm về thuế cho CQT, một số nước còn tổ chức lực lượng cảnh sát thuế, tòa án thuế để xử lý các hành vi tội phạm về thuế. Với sự giao lưu, phát triển, hội nhập ngày càng sâu rộng với hoạt động kinh tế của các quốc gia trên thế giới, CQT của nhiều nước đã được giao chức năng điều tra để đưa điều tra tội phạm về thuế trong phạm vi quốc gia, vừa phối hợp với CQT các nước khác để điều tra các hoạt động chuyên giá, trốn thuế của các tập đoàn, doanh nghiệp FDI. Kết quả quản lý nhà nước về chuyên giá tại Việt Nam những năm qua cho thấy, việc chưa được trao quyền điều tra là rào cản trong công tác quản lý giá chuyên nhượng của CQT. Do đó, cần trao chức năng điều tra cho CQT (trước mắt ở cấp Tổng cục Thuế) để đối phó với tình trạng chuyên giá, giảm lỗ ảo, ngăn chặn tình trạng các DN tránh thuế, né thuế, gây thất thu cho NSNN. Theo thông lệ quốc tế, để hoàn thành một vụ việc thanh tra, điều tra về giá chuyên nhượng thường kéo dài từ 18 đến 24 tháng. Tại Việt Nam, thời hạn thanh tra chuyên giá được quy định chung trong Luật Thanh tra và Luật quản lý thuế từ 30 đến 45 ngày/vụ việc là quá ngắn. Tổng cục Thuế cần nghiên cứu điều chỉnh tăng thời hạn thanh tra đối với hoạt động chuyên giá để đảm bảo phù hợp với tính chất phức tạp của hoạt động này. Nghiên cứu, xây dựng quy trình triển khai thực hiện và các kỹ năng dành riêng cho nghiệp vụ thanh tra đối với hoạt động chuyên giá.

Thứ năm, sửa đổi chế tài xử phạt (phạt về hành vi gian lận thuế, trốn thuế, truy cứu trách nhiệm hình sự, cấm hoạt động kinh doanh tại Việt Nam...) đảm bảo đủ mạnh, mang tính răn đe kể cả phải bổ sung quy định về trách nhiệm hình sự đối với những hành vi và mức độ nghiêm trọng trong chuyên giá đối với những trường hợp cố tình vi phạm pháp luật nhằm bảo vệ lợi ích của quốc gia và tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng cho các DN. Pháp luật của các nước trong khu vực đều quy định các biện pháp, chế tài mạnh đối với hành vi chuyên giá, như: Singapore quy định mức phạt chung cho các vi phạm về thuế nằm từ khoảng 100% đến 400% khoản thuế phải trả; Indonesia áp dụng mức phạt từ 2% đến 48% một tháng tính trên số thuế nộp thiếu bị phát hiện di gian lận qua chuyên giá; Malaysia quy định mức phạt dao động từ 100-300% số thuế bị phát hiện gian lận, đồng thời, công khai danh tính những doanh nghiệp thực hiện chuyên giá chiếm đoạt tiền thuế nhà nước.

Việt Nam nên học tập kinh nghiệm các nước, ban hành ngay các mức xử phạt nặng đối với các hành vi chuyển giá trốn thuế của DN FDI và cần quy định thành những điều khoản cụ thể trong Luật Chống chuyển giá đang được xây dựng và sẽ ban hành trong thời gian tới.

Kết luận: Chuyển giá tuy không mới nhưng vẫn là cách các doanh nghiệp FDI, các công ty đa quốc gia sử dụng để thực hiện nhiều mục tiêu, trong đó không thể không kể đến mục tiêu giảm thiểu tổng mức thuế phải nộp. Những bất cập, vướng mắc về môi trường pháp luật và chế tài áp dụng chưa đủ mạnh là một trong những nguyên nhân làm giảm hiệu lực, hiệu quả quản lý, gia tăng gian lận thuế thông qua chuyển giá. Vì vậy, tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý liên quan đến lĩnh vực chuyển giá là yêu cầu cần thiết, cấp bách đặt ra với các cơ quan quản lý nhà nước Việt Nam hiện nay. ♦

Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Tài chính (1997), *Thông tư số 74-TC/TCT-1997 ngày 20/10/1997 của Bộ Tài chính, hướng dẫn thực hiện quy định về thuế đối với các hình thức đầu tư theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.*
2. Bộ Tài chính (1999), *Thông tư số 89/1999/TT-BTC ngày 16/7/1999 của Bộ Tài chính, hướng dẫn thực hiện quy định về thuế đối với các hình thức đầu tư theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.*
3. Bộ Tài chính (2001), *Thông tư số 13/2001/TT-BTC ngày 08/03/2001 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy định về thuế đối với các hình thức đầu tư theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.*
4. Bộ Tài chính (2005), *Thông tư số 117/2005/TT-BTC ngày 19/12/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện xác định giá thị trường trong giao dịch kinh doanh giữa các bên có quan hệ liên kết.*
5. Bộ Tài chính (2010), *Thông tư số 66/2010/TT-BTC ngày 22/04/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện xác định giá thị trường trong giao dịch kinh doanh giữa các bên có quan hệ liên kết.*
6. Chính phủ (2017), *Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết.*
7. Bộ Tài chính (2017), *Thông tư số 41/2017/TT-BTC ngày 28/04/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 20/2017/NĐ-CP.*
8. Phan Thị Thành Dương (2010), *Pháp luật về kiểm soát hoạt động chuyển giá trên địa bàn TP Hà Nội*, Luận án tiến sĩ Đại học Luật TP Hồ Chí Minh.

9. Lê Xuân Trường (2011), *Kiểm soát chuyển giá ở Việt Nam: Tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý và các điều kiện thực hiện*, Tạp chí Tài chính số 7.

10. Lê Quang Hùng (2017), *Chuyển giá và chống chuyển giá trong quản lý thuế đối với các DN có vốn đầu tư NN ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

11. OECD (2001 & 2017), *Transfer Pricing Guidelines for Multinational Enterprises and Tax Administrations.*

12. OECD (2015), *Base Erosion and Profit Shifting-BEP.*

13. Feinschreiber, Robert và Kent, Margaret (2012), *Transfer Pricing Handbook: Guidance for the OECD Regulations.*

14. Feinschreiber, Robert và Kent, Margaret (2012), *Asia-Pacific Transfer Pricing Handbook.*

15. Richardson, Taylor, Lanis (2013), *Determinants of transfer pricing aggressiveness: Empirical evidence from Australian firms*, Journal of Contemporary Accounting & Economics.

Summary

Government management over transfer pricing at FDI enterprises has been analyzed and assessed by a score of researchers and managers. In Vietnam, though legal documents (Circular No. 66/2010/TT-BTC, Decree No. 20/2017/NĐ-CP, and Circular No. 41/2017/TT-BTC) have been enacted, making the legal framework for government authorities to implement transfer pricing inspection and check, the achievements are still limited. How could the practice of transfer pricing be prevented and stopped? It is difficult to find a reasonable answer to the question in even countries with long history of international economy as FDI enterprises' transfer pricing has been more and more complicated and difficult to be uncovered.

On studying the current legal documents related to government management over FDI enterprises' transfer pricing from secondary information sources and the survey on inspectors at Hanoi City's Tax Division and tax departments of several districts, communes, and FDI enterprises (as branches of multinationals) in Hanoi, the researchers analyzed the adjustments in policies and pointed out the shortcomings in implementing the law, thus making several suggestions on the contents and solutions to improving policies to improve the effectiveness of government management in the area in the future.